

Xy lanh trượt mini
EGSC-BS-KF-60-75-12P
Số bộ phận: 8048363

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình làm việc	75 mm
Kích thước	60
Dự trữ hành trình	0 mm
Khe đảo ngược	150 µm
đường kính trục chính	12 mm
Tăng trục chính	12 mm/vòng
Vị trí lắp đặt	bất kì
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn
Cấu trúc xây dựng	Thanh trượt điện mini với trục vít bi
Loại động cơ	Động cơ bước Động cơ servo
Tham khảo	Khối cử chặn cố định tích cực Khối cử chặn cố định tiêu cực Công tắc tham chiếu
Loại trục chính	Trục vít bi
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Tăng tốc tối đa	15 m/s ²
Số vòng quay tối đa	3000 1/phút
Tốc độ tối đa	0.6 m/s
Độ chính xác lặp lại	±0,015 mm
Thời gian bật	100%
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vòng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây.
Loại phòng sạch	Loại 9 theo ISO 14644-1
Mức áp suất âm thanh	55 dB(A)
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.04 mJ

Đặc tính	Giá trị
Lưu ý về năng lượng va chạm ở vị trí cuối	Ở tốc độ di chuyển tham chiếu tối đa là 0,01 m/s
Hệ số tải động ổ trục cố định	13321 N
Hệ số tải động dẫn hướng tuyến tính	13400 N
Vít bi đánh giá tải động	4600 N
Không tải mô-men xoắn ở tốc độ quy trình tối đa	0.306 N m
Mô men xoắn chạy không tải ở tốc độ quy trình tối thiểu	0.04 N m
Lực tối đa Fy	4937 N
Lực tối đa Fz	4937 N
Fy với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	13400 N
Fz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	13400 N
Thời điểm tối đa Mx	20 N m
Max. Moment My	30 N m
Mô-men tối đa Mz	30 N m
Mx với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	107 N m
Của tôi với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	117 N m
Mz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	117 N m
Lực hướng tâm tối đa trên trục truyền động	230 N
Lực nạp tối đa Fx	250 N
Trị số chuẩn tải trọng có ích, ngang	25 kg
Giá trị tham chiếu tải trọng, theo chiều dọc	25 kg
Vít bi đánh giá tải tĩnh	8500 N
Hệ số tải tĩnh dẫn hướng tuyến tính	26900 N
Mô-men quán tính khối lượng JH trên mỗi mét hành trình	0.27076 kgcm ²
Mômen quán tính khối lượng JL trên kg trọng tải	0.03648 kgcm ²
Mô men quán tính khối lượng JO	0.08386 kgcm ²
Nạp liệu không đổi	12 mm/vòng
Hệ số tải tĩnh ổ trục cố định	7000 N
Tuổi thọ tham khảo	5000 km
Khoảng thời gian bảo trì	bôi trơn suốt đời
Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm	675 g
Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm	40 g
trọng lượng sản phẩm	2267 g
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm	1555 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	95 g
Kiểu gắn	với ren trong với vòng măng xông với phụ kiện có chốt thẳng
Bộ truyền động mã giao diện	T42
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu thanh dẫn hướng ổ trượt	Thép ổ lăn
Vật liệu ray dẫn hướng	Thép ổ lăn
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu đầu chạc	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu thanh piston	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu các ổ trượt	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu đai ốc trục chính	Thép ổ lăn
Trục chính vật liệu	Thép ổ lăn